

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BA VÌ – TP. HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 62/2023/DS-ST
Ngày 09 tháng 08 năm 2023
V/v: Tranh chấp “Hợp đồng mua bán”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA VÌ- TP HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Th.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trương Văn K

2. Ông Nguyễn Xuân Th

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Y- Thư ký Tòa án nhân dân huyện B V, thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B V tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Hoàng Ph - Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 08 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện B V xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 49/2023/TLST-DS ngày 19 tháng 05 năm 2023 về việc tranh chấp “Hợp đồng mua bán”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2023/QĐXX-DSST ngày 07 tháng 07 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số: 28/2023/QĐST- HPT ngày 28/07/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Phùng Văn L, sinh năm 1969

Chị Trần Thị H, sinh năm 1973

Địa chỉ: Phố N, xã Ch M, huyện B V, thành phố Hà Nội.

(Anh L, chị H có mặt tại phiên tòa)

- Bị đơn: Anh Hoàng Quốc B, sinh năm 1976.

(Anh B có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa)

Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1978

Địa chỉ: Thôn Y Kh, xã Th A, huyện B V, TP Hà Nội.

(Chị Th có mặt tại phiên tòa)

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Anh Hạ Đăng T, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Thôn Y Kh, xã Th A, huyện B V, TP Hà Nội

(Anh Tiến có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1.Theo đơn khởi kiện ngày 11/5/2023 của vợ, chồng anh Phùng Văn L, chị Trần Thị H và các lời khai tại Tòa án anh Phùng Văn L, chị Trần Thị H trình bày như sau:

Vợ, chồng anh Phùng Văn L, chị Trần Thị H làm nghề kinh doanh đại lý cám Thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm tại xã Ch M. Vợ, chồng anh L, chị H có thuê anh Hạ Đăng T làm nhân viên đầu mối tiếp thị thị trường tại khu vực xã Th A và xã T Ph. Anh T là người trực tiếp đi tìm đầu mối khách hàng là hộ gia đình có trang trại chăn nuôi gà để đại lý của anh L, chị H cấp cám, sau đó vợ, chồng anh L, chị H hoặc anh T thay mặt anh L, chị H sẽ trực tiếp thỏa thuận về cách Thức bán cám, giá cám với các gia đình có trang trại chăn nuôi.

Năm 2019 vợ, chồng anh Hoàng Quốc B, chị Nguyễn Thị Th có trang trại chăn nuôi gà tại xã Th A, có nhu cầu mua cám nên vợ, chồng anh L đã giao cho anh Hạ Đăng T đứng ra trực tiếp thỏa thuận về việc cấp bán cám cho trang trại nuôi gà của vợ, chồng anh B, chị Th. Anh T đã trao đổi về cách Thức cung cấp cám, giá cám và phương thức thanh toán tiền cám khi hết lứa chăn nuôi gà với vợ chồng anh B, chị Th, hai bên chỉ thỏa thuận bằng miệng, không lập thành giấy tờ. Theo thỏa thuận giữa anh T và vợ, chồng anh B, chị Th thì vợ, chồng anh L, chị H sẽ cấp bán cám cho vợ chồng anh B, chị Th để vợ, chồng anh B, chị Th chăn nuôi lứa gà từ nhỏ đến khi lứa gà được xuất chuồng, nhưng sau khi bán hết lứa gà đó thì vợ chồng anh B, chị Th phải trả toàn bộ số tiền cám của lứa gà đó cho vợ chồng anh L, chị H thì anh L, chị H mới tiếp tục cấp cám lứa gà mới cho anh B, chị Th. Ngoài ra vợ, chồng anh L, chị H còn có chính sách kích cầu khách hàng là nếu gia đình chị Th, anh B trả hết tiền cám đầy đủ, trả đúng cam kết của mỗi lứa gà thì sẽ được triết khấu 5.000đ/1 bao cám, nếu trường hợp vợ, chồng anh B, chị Th không trả hết, trả đủ được số tiền cám của lứa gà chăn nuôi đó thì không được triết khấu, giảm 5000đ/1 bao cám. Sau khi hai bên thống nhất như vậy thì anh L, chị H giao cho anh Hạ Đăng T là người trực tiếp đi giao cám cho vợ, chồng anh B, chị Th, khi giao cám thì anh B hoặc chị Th là người trực tiếp ký vào sổ nhận cám và chốt số tiền nợ tiền cám vào sổ nhận cám của anh Tiến.

Trong quá trình vợ, chồng anh B, chị Th chăn nuôi thì vợ, chồng anh B, chị Th không thực hiện trả đủ, hết số tiền cám đúng như thỏa thuận, cam kết ban đầu.

Vợ, chồng anh B, chị Th bán gà khi hết lứa nhưng chỉ trả cho vợ, chồng anh L, chị H được một phần trong tổng số tiền nợ cám của lứa gà đã xuất chuồng và xin khát nợ lại lứa gà sau vì chăn nuôi thua lỗ. Để tạo điều kiện cho vợ, chồng anh B, chị Th tiếp tục chăn nuôi thì vợ, chồng anh L, chị H vẫn tiếp tục cấp cám cho vợ, chồng anh B, chị Th chăn nuôi những lứa gà mới tiếp theo, nhưng những lứa gà sau tiếp theo khi xuất chuồng, bán hết đàn thì anh B, chị Th vẫn không trả đủ hết số tiền cám còn nợ mà chỉ trả được cho vợ, chồng anh L, chị H được một phần ít trong tổng số công nợ đã chốt sổ theo từng đợt, từng lứa gà. Vợ, chồng anh B, chị Th đã nhiều lần nhờ vợ, chồng anh L, chị H giúp đỡ cho nợ lại tiền cám để dùng vào việc khác của gia đình như để trả nợ đáo sổ vay ngân hàng đến hạn phải trả. Vì vậy đến ngày mừng 04 tháng 09 năm 2022, anh L cùng anh Hạ Đăn Tiến đến nhà anh B, chị Th thống nhất với anh B, chị Th là chỉ đầu tư bán cám nốt những đàn gà mà vợ, chồng anh L đang đầu tư bán cám, còn những đàn gà mới mà anh B, chị Th tái đàn thì anh L, chị H không cấp cám nữa để anh chị B Th chủ động lấy cám chỗ khác. Sau đó vợ, chồng anh L, chị H vẫn tiếp tục cấp cám cho vợ, chồng anh B, chị Th nuôi gà đến cuối tháng 10/2022 để vợ, chồng anh B cho lứa gà cũ ăn nhưng vợ, chồng anh B lại dùng số cám được cấp cho lứa gà cũ để cho lứa gà mới ăn. Bởi vậy đến ngày 01/11/2022 thì anh L, chị H đã vào nhà vợ, chồng anh B, chị Th để lập biên bản về việc không tiếp tục cấp cám cho vợ, chồng anh B nữa và hai bên thống nhất chốt sổ tiền nợ tiền cám là: 1.635.562.000đ (*Một tỷ, sáu trăm, ba mươi năm triệu, năm trăm sáu mươi hai nghìn đồng*). Tại biên bản chốt nợ ngày 01/11/2022 anh Hoàng Quốc B là người trực tiếp ký tên, còn chị Th chứng kiến việc chốt nợ nhưng không ký biên bản.

Nay vợ, chồng anh L, chị H đề nghị tòa án nhân dân huyện B V buộc vợ, chồng anh Hoàng Quốc B và chị Nguyễn Thị Th phải có nghĩa vụ thanh toán trả số tiền nợ cám chăn nuôi cho vợ, chồng anh L số tiền là: 1.635.562.000đ (*Một tỷ, sáu trăm ba mươi lăm triệu, năm trăm sáu mươi hai nghìn đồng*). Vợ, chồng anh L, chị H không yêu cầu vợ, chồng anh B, chị Th phải trả tiền lãi suất đối với số tiền: 1.635.562.000.000đ từ thời điểm tháng 11/2022 cho đến nay.

Bị đơn: Anh Hoàng Quốc B trình theo bản tự khai ngày 02/06/2023 lời khai anh B trình bày như sau:

Vợ, chồng anh B, chị Th làm trang trại chăn nuôi gà thịt nên có nhu cầu mua cám chăn nuôi để nuôi gà. Vợ, chồng anh Phùng Văn L, chị Trần Thị H là người có đại lý kinh doanh The ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm. Từ năm 2019 vợ, chồng anh B, chị Th có làm việc với anh Hạ Đăng T là nhân viên kinh doanh của đại lý cám cò của vợ, chồng anh L, chị H. Vợ, chồng anh B, chị Th và anh Tiến đã thỏa thuận,

thông nhất miệng với anh Tiến nội dung: Đại lý kinh doanh Thức ăn gia súc, gia cầm của vợ, chồng anh L, chị H sẽ cung cấp, đầu tư, bán cám chăn nuôi gà thịt cho vợ, chồng anh B, chị Th theo từng lứa gà vợ, chồng anh B, chị Th nuôi từ khi gà bóc trứng cho đến khi gà lớn thành gà thịt và xuất chuồng. Sau khi vợ, chồng chị Th, anh B xuất chuồng, bán lứa gà thịt thì vợ, chồng anh B, chị Th phải trả đủ hết số tiền cám mà đại lý cám của vợ, chồng anh L, chị H cung cấp. Mỗi lần vợ, chồng anh B, chị Th nhận số lượng cám gà do đại lý cám L, H cung cấp thì anh B hoặc chị Th phải ký nhận số của đại lý cám L, H đối với số lượng cám đã nhận và chốt số tiền từng lần nhận cám gà qui ra tiền. Nếu sau khi bán hết lứa gà thịt mà vợ, chồng anh B, chị Th trả đủ hết số tiền cám gà mà vợ, chồng anh L, chị H đã cung cấp thì, bán thì đại lý cám của vợ, chồng anh L, chị H sẽ triết khấu cho vợ, chồng anh B, chị Th số tiền là: 5.000đ/1/bao cám. Đồng thời đại lý cám L, H tiếp tục cung cấp cám gà cho vợ, chồng anh B, chị Th nuôi lứa gà mới tiếp theo. Thời gian đầu thì vợ, chồng anh B, chị Th thực hiện đầy đủ và đúng thỏa thuận, tuy nhiên sau đó thì do làm ăn thua lỗ nên vợ, chồng anh B sau khi bán hết các lứa gà không trả được hết số tiền cám của từng lứa gà đó cho vợ, chồng anh L, vợ chồng anh B đã xin khát nợ sang những lứa gà sau tiếp theo. Anh L, chị H vẫn đồng ý và tạo điều kiện tiếp tục cấp cám cho vợ, chồng anh B để chăn nuôi những lứa gà sau. Tuy nhiên những lứa gà sau vợ, chồng anh B tiếp tục thua lỗ nên vẫn nợ lại tiền cám của anh L, chị H, khi số tiền nợ lên quá nhiều thì anh L có vào nhà anh B để đòi tiền cám và anh L có nói rõ nếu gia đình anh B tiếp tục không trả nợ thì sẽ ngừng không cấp cám cho gia đình anh B. Tuy nhiên vợ, chồng anh B vẫn không có điều kiện trả nợ cho anh L, chị H nên khoảng tháng 10/2022 anh L đã vào nhà và thông báo sẽ ngừng không cấp cám chăn nuôi gà cho vợ chồng anh B. Đến ngày 01/11/2022, thì vợ, chồng anh L đã vào nhà anh B để làm biên bản về việc không cấp cám cho gia đình anh nữa chốt số tiền nợ cám của vợ chồng anh B là: 1.635.562.000đ và anh B là người trực tiếp ký tên vào biên bản đó. Anh B đã được xem sổ ghi chép về việc cấp cám, chữ ký ở trong sổ chốt cám là đúng của vợ chồng anh và số tiền ghi trong sổ là hoàn toàn đúng.

Tính đến nay thì anh B thừa nhận vợ chồng anh B đã nhận cám của nhà đại lý cám của anh L, chị H với trị giá số tiền là: 1.635.562.000đ (*Một tỷ, sáu trăm ba mươi lăm triệu, năm trăm sáu mươi hai nghìn đồng*), nhưng do dịch bệnh kéo dài, giá gà giảm nên làm ăn thua lỗ vợ, chồng anh B chưa trả được tiền cám cho vợ, chồng L H theo thỏa thuận ban đầu.

Nay quan điểm của anh B là vợ, chồng anh B sẽ có trách nhiệm trả toàn bộ số tiền 1.635.562.000đ (*Một tỷ, sáu trăm ba mươi lăm triệu, năm trăm sáu mươi*

hai nghìn đồng) cho vợ, chồng anh L, chị H, tuy nhiên anh B xin trả dần vì kinh tế hiện nay rất khó khăn, vợ chồng anh B không có tiền trả một lúc. Mong anh L, chị H tạo điều kiện cho vợ, chồng anh B.

Đối với chị Nguyễn Thị Th: Tòa án nhân dân Huyện B V đã gửi thông báo thụ lý vụ án cho chị Th, Tòa án B V báo gọi chị Th, chị Th đều có mặt tham gia các buổi làm việc, tại các buổi làm việc tại Tòa án nhân dân Huyện BV nhưng chị không ký vào bản tự khai cùng anh B, chị cũng không viết bản tự khai. Tại phiên họp công khai, tiếp cận chứng cứ và phiên hòa giải ngày 12/6/2023 tại Tòa án nhân dân Huyện BV chị Th chỉ trình bày quan điểm bằng miệng nội dung như sau: Chị thừa nhận vợ, chồng chị đang nợ số tiền cám chăn nuôi gà chưa trả cho vợ, chồng anh L, chị H là: 1.635.562.000đ (*Một tỷ, sáu trăm ba mươi lăm triệu, năm trăm sáu mươi hai nghìn đồng*) là đúng. Tuy nhiên không phải do vợ, chồng chị không trả mà do ảnh hưởng của dịch bệnh kéo dài, gà bị dịch bệnh chết nhiều, giá gà thịt giảm nên vợ, chồng chị làm ăn thua lỗ nên không trả được hết số tiền cám chăn nuôi cho vợ, chồng anh L, chị H. Quan điểm của chị Th là do anh L, chị H ngừng không cấp cám khi vợ, chồng chị Th đang chăn nuôi dẫn đến việc gà của vợ, chồng chị Th bị chết nên chị Th đề nghị chị H, anh L hỗ trợ số tiền lỗ gà là: 135.000.000đ và tiền chiết khấu đầu bao cám gà là 100.000.000đ. Chị Th chỉ chấp nhận trả cho anh L, chị H số tiền nợ cám là: 1.400.000.000đ (*Một tỷ, bốn trăm triệu đồng*). Tuy nhiên sau khi trình bày tại phiên họp công khai, tiếp cận chứng cứ và phiên hòa giải chị Th không ký biên bản, chị chỉ chấp nhận ký biên bản nếu anh L, chị H chấp nhận yêu cầu của Th là giảm số tiền như trên.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên anh Hạ Đăng T trình bày: Anh là nhân viên của đại lý cám chăn nuôi của anh Phùng Văn L, chị Trần Thị H. Nhiệm vụ của anh T được vợ, chồng anh L, chị H giao cho là đi tìm thị trường phát triển cám chăn nuôi cho đại lý cám của anh, chị L, H. Năm 2019 vợ, chồng anh Hoàng Quốc B, chị Nguyễn Thị Th làm trang trại chăn nuôi gà thịt và có nguyện vọng được đại lý cám của vợ, chồng anh L, chị H cung cấp cám chăn nuôi cho vợ, chồng B, Th. Anh T đã về trao đổi với anh L, chị H về việc cấp cám cho vợ, chồng anh chị B, Th. Được sự đồng ý của anh L, chị H thì anh T đã thỏa thuận với anh B, Th về giá cám, phương thức cấp cám và lộ trình thanh toán tiền cám của mỗi lứa gà chăn nuôi. Theo đó khi cấp cám thì anh L, chị H sẽ cấp cám cho anh B, chị Th chăn nuôi lứa gà từ khi mới bóc trứng đến khi xuất chuồng thì anh B, chị Th sẽ phải thanh toán toàn bộ số tiền nợ cám của từng lứa gà đó cho anh L, chị H thì anh L, chị H mới tiếp tục cấp cám cho lứa gà sau, và khi trả đủ hết số tiền của lứa gà đó thì mỗi bao cám sẽ được anh L, chị H chiết khấu số tiền là: 5.000đ/1/bao cám. Sau khi

hai bên đạt được thỏa thuận như trên thì anh T là người trực tiếp trở cám giao trực tiếp cho vợ, chồng anh B, chị Th, còn anh B hoặc chị Th sẽ ký nhận cám và chót số tiền vào sổ riêng của anh, chị L, H. Sau khi cấp cám được một thời gian thì vợ, chồng anh B, chị Th xuất chuồng bán các lứa gà thịt đi nhưng không trả đủ tiền nợ cám của từng lứa gà đó cho vợ, chồng anh L, chị H. Để tạo điều kiện cho anh B, chị Th tiếp tục chăn nuôi thì đại lý cám của anh L, chị H tiếp tục cấp cám cho anh B, chị Th để nuôi những lứa gà sau. Tuy nhiên sau khi xuất chuồng, bán hết lứa gà sau anh B, chị Th tiếp tục không trả tiền cho đại lý cám của anh L, chị H. Vì vậy đến cuối tháng 10/2022 anh Phùng Văn L và anh T có vào nhà anh B, chị Th để thông báo về việc ngừng không cấp cám cho vợ, chồng anh B, chị Th đến xuất chuồng bán hết lứa gà nữa vì số tiền nợ tiền cám quá lớn và đã nhiều lần bán gà nhưng không trả tiền đúng theo thỏa thuận. Ngày 01/11/2022 vợ, chồng anh L, chị H đã chót công nợ tiền cám là: 1.635.562.000đ (*Một tỷ, sáu trăm ba mươi lăm triệu, năm trăm sáu mươi hai nghìn đồng*) và anh Hoàng Quốc B là người trực tiếp ký tên. Vì anh B, chị Th không trả được hết tiền nợ khi bán hết lứa gà như thỏa thuận nên vợ chồng anh B, chị Th không được chiết khấu tiền 5.000.000đ/1 bao cám như thỏa thuận ban đầu.

Tại phiên tòa hôm nay: Anh Phùng Văn L, chị Trần Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc anh Hoàng Quốc B, chị Nguyễn Thị Th phải trả số tiền mua cám chăn nuôi gà là: 1.635.562.000đ (*Một tỷ, sáu trăm ba mươi lăm triệu, năm trăm sáu mươi hai nghìn đồng*).

Anh Hoàng Quốc B có đơn xin xét xử vắng mặt.

Chị Nguyễn Thị Th giữ nguyên yêu cầu chỉ chấp nhận trả số tiền cám cho vợ, chồng anh L, chị H số tiền: 1.400.000.000đ (*Một tỷ, bốn trăm triệu đồng*) nhưng với điều kiện phải để vợ, chồng chị Th và anh B gặp nhau và cùng thống nhất số tiền trả nợ.

3. Ý kiến của Viện kiểm sát huyện B V:

-Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi nhận đơn, giải quyết đơn, ra thông báo thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã tuân theo đúng pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì vợ, chồng anh Phùng Văn L, chị Trần Thị H là đại lý cám Thức ăn gia súc, gia cầm đã

cấp cám chăn nuôi gà thịt cho vợ, chồng anh Hoàng Quốc B, chị Nguyễn Thị Th theo văn bản chốt nợ đến ngày 01/11/2022 với số tiền là 1.635.562.000đ là đúng sự thật, hai bên đã có sổ chốt công nợ và biên bản về việc ngừng cấp cám chăn nuôi. Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điều 430, điều 440 BLDS năm 2015 chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Buộc vợ, chồng anh Hoàng Quốc B, chị Nguyễn Thị Th phải trả cho anh Phùng Văn L, chị Trần Thị H số tiền cám còn nợ là: 1.635.562.000đ (*Một tỷ, sáu trăm ba mươi lăm triệu, năm trăm sáu mươi hai nghìn đồng*). Buộc vợ, chồng anh Hoàng Quốc B, chị Nguyễn Thị Th phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả xét hỏi, tranh tụng tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn: Vợ, chồng anh Phùng Văn L, chị Trần Thị H khởi kiện yêu cầu vợ, chồng anh Hoàng Quốc B, chị Nguyễn Thị Th phải trả số tiền mua cám chăn nuôi gà còn nợ chưa trả là: 1.635.562.000đ (*Một tỷ, sáu trăm năm mươi triệu đồng*), do đó xác định đây là tranh chấp “*Hợp đồng mua bán*”. Bị đơn có nơi cư trú tại: thôn Y Kh, xã Th A, Huyện B V, thành phố Hà Nội, nên theo quy định tại khoản 3, Điều 26; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Huyện BV, thành phố Hà Nội.

[2]. Về nội dung: Vợ, chồng anh Phùng Văn L, chị Trần Thị H làm nghề kinh doanh Đại lý cám Thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm. Vợ, chồng anh Hoàng Quốc B, chị Nguyễn Thị Th có trang trại chăn nuôi gà thịt bán kiếm lời. Thời điểm năm 2019 anh Hạ Đăng T là người được vợ, chồng anh L, chị H thuê làm nhân viên tiếp thị khai thác thị trường bán cám Thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm tại các xã trên địa bàn Huyện BV. Anh T đã gặp vợ, chồng anh B, chị Th để tiếp thị trao đổi Đại lý cám của vợ, chồng anh L, chị H sẽ cung cấp bán cám gà thịt trang trại cho vợ, chồng anh B, chị Th được vợ, chồng anh B đồng ý. Vợ, chồng anh B, chị Th và anh T thỏa thuận miệng, không lập thành văn bản nội dung: Đại lý cám Thức ăn chăn nuôi gia súc của vợ, chồng anh L, chị H sẽ cung cấp cám gà thịt cho vợ, chồng anh B, chị Th theo từng lứa gà thịt để vợ chồng anh B, chị Th nuôi gà từ khi gà lứa gà còn nhỏ cho đến khi thành gà thành phẩm, gà thịt xuất chuồng. Sau mỗi lứa gà xuất chuồng vợ, chồng anh B và anh T sẽ căn cứ vào sổ giao, nhận cám để chốt số lượng cám gà mà anh B hoặc chị Th đã ký nhận cám. Đồng thời chốt số tiền cám gà vợ, chồng anh B, chị Th phải thanh toán cho vợ, chồng anh L để vợ, chồng anh B, chị

Th phải thanh toán đủ hết số tiền cám gà chưa thanh toán theo từng lứa gà cho vợ, chồng anh L, chị H, sau đó Đại lý cám L, H mới tiếp tục cung cấp, bán tiếp cám gà cho lứa gà mới nuôi của vợ, chồng anh B, chị Th nuôi tiếp theo. Nếu vợ, chồng anh B, chị Th thanh toán trả đủ số tiền từng lứa gà như hai bên đã thỏa thuận cam kết thì Đại lý cám L, H sẽ chiết khấu giảm cho vợ, chồng anh B, chị Th mỗi bao cám gà số tiền là: 5000đ/1 bao cám để khuyến mại cho vợ, chồng anh B, chị Th là sự thật. Việc thỏa thuận cung cấp bán cám gà giữa vợ, chồng anh L thông qua anh Hạ Đăng T và vợ, chồng anh B, chị Th được vợ, chồng anh L, chị H đồng ý là sự thật. Thời gian đầu vợ, chồng anh B, chị Th thực hiện đúng cam kết, sau một thời gian vợ, chồng anh B, chị Th bán xuất chuồng hết gà thịt nhưng không trả đủ số tiền cám gà cho vợ, chồng L, H theo thỏa thuận từng lứa, vợ, chồng anh B, chị Th cho rằng do làm ăn thua lỗ phải dùng số tiền bán gà thịt để trả nợ cho Ngân hàng để đảo số nợ ngân hàng. Tuy nhiên Đại lý cám L, H vẫn cung cấp bán cám cho vợ, chồng anh B, chị Th để tiếp tục chăn nuôi gà thịt để có điều kiện trả nợ cho vợ, chồng anh L, chị H. Đến thời điểm tháng 10/2022 do vợ, chồng anh B, chị Th nợ số tiền cám gà thịt của vợ, chồng anh L quá lớn do đó anh L đã đến nhà anh B thông báo ngừng không cung cấp cám gà thịt lứa tiếp theo cho vợ, chồng anh B, chị Th nữa vì lý do vợ, chồng anh B, chị Th nợ số tiền cám của vợ, chồng anh L chưa trả số tiền nhiều chưa trả. Đến ngày 01/11/2022 anh L cùng anh Hạ Đăng T đến nhà vợ, chồng anh B, chị Th gặp vợ, chồng anh B, chị Th căn cứ vào sổ giao nhận cám gà để lập biên bản với nội dung: Đại lý cám anh L, chị H ngừng không cung cấp cám chăn nuôi gà thịt vợ, chồng anh B, chị Th nữa. Đồng thời hai bên căn cứ vào sổ giao, nhận cám gà chốt số tiền cám gà thịt vợ, chồng anh B, chị Th còn nợ vợ, chồng anh L, chị H chưa trả là: 1.635.562.000đ (*Một tỷ, sáu trăm ba mươi lăm triệu, năm trăm sáu mươi hai nghìn đồng*) là sự thật. Trong quá trình hai bên thống nhất chốt số, chốt số nợ tiền cám, chị Th có mặt tham gia nhưng không ký biên bản vào biên bản ngừng không cung cấp cám và chốt số nợ cám lập ngày 01/11/2022. Trong quá trình làm việc tại Tòa án nhân dân Huyện Ba vì anh Hoàng Quốc B chấp nhận đồng ý trả số tiền mua cám gà thịt còn nợ cho vợ, chồng anh L, chị H là: 1.635.562.000đ (*Một tỷ, sáu trăm ba mươi lăm triệu, năm trăm sáu mươi hai nghìn đồng*). Trong quá trình làm việc tại Tòa án nhân dân Huyện BV chị Th đều có mặt, chị Th có quan điểm: Chị Th thừa nhận vợ, chồng chị Th nợ vợ, chồng anh L, chị H số tiền cám chăn nuôi gà thịt chưa trả là: 1.635.562.000đ là đúng, nhưng chị Th yêu cầu vợ, chồng chị H, anh L phải trừ số tiền gà chết do vợ, chồng anh L, chị H ngừng không cung cấp cám cho gia đình chị dẫn đến gà chết thiệt hại số tiền là: 135.000.000đ (*Một trăm, ba mươi năm triệu đồng*) và số tiền chiết khấu giảm tiền

cám, tiền khuyến mại là: 100.000.000đ (*Một trăm triệu đồng*), chị Th chỉ đồng ý chấp nhận trả cho vợ, chồng anh L, chị H số tiền: 1.400.000.000đ (*Một tỷ, bốn trăm triệu đồng*). Tại phiên tòa hôm nay chị Th giữ nguyên yêu cầu chỉ chấp nhận trả số tiền cám chưa trả cho vợ, chồng anh L, chị H số tiền: 1.400.000.000đ (*Một tỷ, bốn trăm triệu đồng*) nhưng với điều kiện phải để vợ, chồng chị Th và anh B gặp nhau và cùng thống nhất số tiền phải trả nợ. Xét thấy chị Th đưa ra yêu cầu không chấp nhận trả nợ cho vợ, chồng anh L, chị H số tiền mua cám gà là: 1.635.562.000đ (*Một tỷ, sáu trăm ba mươi lăm triệu, năm trăm sáu mươi hai nghìn đồng*) là không có căn cứ. Hội đồng xét xử xét thấy vợ, chồng chị Th, anh B là bên không thực hiện đúng cam kết do hai bên đặt ra là sau khi mỗi lứa gà thịt do vợ, chồng anh B, chị Th bán, xuất chuồng xong thì vợ, chồng anh B, chị Th phải trả đủ, trả hết số tiền cám gà mà vợ, chồng anh L đã bán cung cấp, đầu tư theo từng lứa gà do đó vợ, chồng chị Th, anh B không được chiết khấu khuyến mại là: 5000đ/1 bao cám do đó không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của chị Th về việc đề nghị vợ, chồng anh L phải trừ số tiền chiết khấu tiền cám gà 100.000.000đ (*Một trăm triệu đồng*) là có căn cứ pháp luật.

Xét yêu cầu của chị Th yêu cầu vợ, chồng anh L, chị H phải trừ số tiền gà chết là: 135.000.000đ (*Một trăm, ba mươi năm triệu đồng*) Hội đồng xét xử xét thấy tháng 10/2022 do vợ, chồng anh B, chị Th nợ vợ, chồng anh L, chị H số tiền cám gà lớn không trả được đúng như cam kết về việc bán, cấp cám gà thịt cho vợ, chồng và nghĩa vụ thanh toán tiền như thỏa thuận của hai bên do đó anh L đã vào nhà chị Th, anh B thông báo cho vợ, chồng chị Th, anh B biết việc nếu vợ, chồng anh B, chị Th không trả tiền cám gà thịt các lứa gà trước còn nợ thì vợ, chồng anh L sẽ không cung cấp, bán cám gà cho vợ, chồng anh B, chị Th nữa. Mặt khác nếu có sự việc gà chết là sự thật thì khi gà chết vợ, chồng anh B, chị Th phải thông báo vợ, chồng anh L, chị H vào trang trại nhà anh B, chị Th để biết, chứng kiến và lập biên bản về số lượng gà chết và xác nhận nguyên nhân gà chết, mức độ thiệt hại, nếu có căn cứ chứng minh rằng gà của gia đình chị Th chết do vợ, chồng anh L không bán, cung cấp cám cho vợ, chị Th thì mới có căn cứ đòi trừ số tiền này. Xong thực tế vợ, chồng chị Th không làm việc này do đó không có căn cứ chấp nhận yêu cầu đòi trừ số tiền gà chết là: 135.000.000đ của chị Th đối với vợ, chồng anh L.

Đối với yêu cầu của chị Th tại phiên tòa hôm nay, chị Th cho rằng: Chị Th chỉ chấp nhận cùng anh B là chồng chị Th trả nợ cho vợ, chồng anh L, chị H tổng số tiền cám gà còn nợ là: 1.635.562.000đ với điều kiện anh B và chị Th phải ngồi với nhau để bàn bạc và thống nhất đối với số tiền nợ cám gà là: 1.635.562.000đ.

Hội đồng xét xử xét thấy ngày 01/11/2022 anh L và anh Tiến đã đến nhà vợ, chồng anh B, chị Th căn cứ vào sổ giao, nhận cám gà các lần và chốt số tiền các lần giao, nhận cám ghi trong sổ giữa anh L, anh Tiến là người giúp việc của vợ, chồng anh L và vợ, chồng anh B, chị Th, hai bên đã thống nhất chốt nợ số tiền là: 1.635.562.000đ, khi anh L, anh T và anh B, chị Th thực hiện tính toán chốt tổng số nợ và lập biên bản chốt tổng số nợ tiền cám 1.635.562.000đ, có mặt chị Th cùng tham gia, xong chị Th không ký biên bản. Mặt khác việc ngồi với nhau để bàn bạc, thống nhất số tiền nợ cám gà là việc nội bộ của vợ, chồng chị Th chứ không thuộc nghĩa vụ chứng minh của vợ, chồng anh L và anh T.

Từ các phân tích đánh giá nêu trên Hội đồng xét xử có đủ căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện đòi nợ tiền cám gà, số tiền là: 1.635.562.000đ là đúng pháp luật. Do vậy buộc vợ, chồng anh Hoàng Quốc B, chị Nguyễn Thị Th phải có nghĩa vụ trả nợ cho vợ, chồng anh Phùng Văn L, chị Nguyễn Thị Th số tiền là: 1.635.562.000đ (*Một tỷ, sáu trăm ba mươi lăm triệu, năm trăm sáu mươi hai nghìn đồng*).

Về lãi suất: Vợ, chồng anh L, chị H không yêu cầu lãi suất đối với vợ, chồng anh B, chị Th do vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Anh Hoàng Quốc B, chị Nguyễn Thị Th phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 3, Điều 26; điểm a, khoản 1, Điều 35; Điều 39, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Áp dụng: Điều 430, 433, 434, 435, 436, 440 Bộ luật dân sự 2015 và khoản 1, Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử:

1/. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện đòi nợ tiền cám gà của vợ, chồng anh Phùng Văn L, chị Trần Thị H đối với vợ, chồng anh Hoàng Quốc B, chị Nguyễn Thị Th.

2/. Buộc vợ, chồng anh Hoàng Quốc B, chị Nguyễn Thị Th phải trả nợ tiền cám gà cho vợ, chồng anh Phùng Văn L, chị Trần Thị H số tiền là: 1.635.562.000đ (*Một tỷ, sáu trăm ba mươi lăm triệu, năm trăm sáu mươi hai nghìn đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, vợ, chồng anh Phùng Văn L, chị Trần Thị H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu vợ, chồng anh Hoàng Quốc B, chị Nguyễn Thị Th không tự nguyện thi hành án thì vợ, chồng anh B, chị Th phải trả lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định tính theo quy định tại khoản 2, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3/Án phí: Vợ chồng anh Hoàng Quốc B, chị Nguyễn Thị Th phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là: 61.066.000đ (*Sáu mươi một triệu, không trăm sáu mươi sáu nghìn đồng*).

Hoàn trả lại cho anh Phùng Văn L, chị Trần Thị H số tiền 40.875.000đ tạm ứng án phí dân sự anh Phùng Văn L đã nộp theo biên lai: 0060986 ngày 19/05/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện B V.

4/ Quyền kháng cáo: Anh Phùng Văn L, chị Trần Thị H, chị Nguyễn Thị Th được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Hoàng Quốc B được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TANDTP Hà Nội
- VKS huyện B V
- THA Ba Vì
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Đức Th

